



TT	Năm	Số hồ nuôi lồng			Số lồng nuôi			Số hộ nuôi (Hộ)	Phân theo công nghệ và thể tích lồng nuôi			
		Tổng (Hồ)	Hồ chứa thủy lợi (Hồ)	Thủy điện (Hồ)	Tổng cộng (Lồng g)	Thủy lợi (Lồng)	Thủy điện (Lồng)		Tổng số (Lồng)	Lồng có thể tích dưới 50m <sup>3</sup> / lồng (Lồng)	Lồng có thể tích từ 50 m <sup>3</sup> đến <=100 m <sup>3</sup> /lồng (Lồng)	Lồng có thể tích >100 m <sup>3</sup> /lồng (Lồng)
2	2022	24	925,69									
3	2023	24	925,69									
4	2024	24	925,69									
5	2025	24	925,69									

## 2. Tiềm năng nuôi trồng thủy sản hồ chứa

- Số lượng hồ chứa có thể đưa vào NTTS: Ngoài hồ, đập do công ty TNHH Thủy lợi Bắc Hà Tỉnh quản lý ra các hồ, đập còn lại do xã quản lý có khả năng đưa vào nuôi trồng thủy sản.

- Diện tích hồ chứa có thể đưa vào NTTS (ha): Tổng diện tích các hồ đập khoảng 45,69 ha.

**Bảng 3: Tiềm năng Nuôi trồng thủy sản hồ chứa**

STT	Tên hồ chứa có thể đưa vào nuôi trồng thủy sản	Loại hồ chứa (hồ thủy lợi, thủy điện,...)	Địa chỉ	Diện tích hồ (ha)	Diện tích có khả năng NTTS (ha)	Ghi chú
1	Khe Nhảy	Thủy lợi	Thôn Côn Sơn	11.44	6	
2	Đập Háp	Thủy lợi	Thôn Ao Tròn	13.9	7	
3	Đập Thùng	Thủy lợi	Thôn Ngọc Sơn	0.65	0.3	
4	Đập Cây Thị	Thủy lợi	Thôn Côn Sơn	0.6	0.3	
5	Hồ Ao Sen	Thủy lợi	Thôn Thiên Nhân 1	0.6	0.3	
6	Đập Mai Lĩnh	Thủy lợi	Thôn Hùng Sơn	1.9	1	
7	Đập Cây Đa	Thủy lợi	Thôn Tân Thịnh	1.5	1	
8	Đập Khe Trong	Thủy lợi	Thôn Tân Thịnh	0.5	0.3	
9	Đập Khe Hồ	Thủy lợi	Thôn Thọ Lộc	0.8	0.4	
10	Đập Hồ Tịt	Thủy lợi	Thôn Khe Cò	1.4	1	
11	Đập Hồ Rọ	Thủy lợi	Thôn Sơn Thủy	0.8	0.5	

STT	Tên hồ chứa có thể đưa vào nuôi trồng thủy sản	Loại hồ chứa (hồ thủy lợi, thủy điện,...)	Địa chỉ	Diện tích hồ (ha)	Diện tích có khả năng NTTS (ha)	Ghi chú
12	Đập Đầm Đang	Thủy lợi	Thôn Khe Cò	1.3	0.8	
13	Đập Cựa Cá	Thủy lợi	Thôn Tây Nam	2.2	1	
14	Đập Bàu Sắn	Thủy lợi	Thôn Trung Lễ	3.5	2.5	
15	Đập Hồ Tra	Thủy lợi	Thôn Tây Nam	0.6	0.3	
16	Đập Con Da	Thủy lợi	Thôn Tây Nam	1.5	0.7	
17	Đập Hồ Xạ	Thủy lợi	Thôn Tây Nam	2.5	1	

### 3. Thuận lợi, khó khăn trong phát triển NTTS hồ chứa.

- Thuận lợi: Nếu được cho phép nuôi trồng thủy sản trong các hồ đập thủy lợi sẽ tạo thêm công ăn việc làm, thu nhập cho người dân, tận dụng được tiềm năng lợi thế của các hồ, đập. Bên cạnh đó sẽ đảm bảo được hồ, đập được gia cố thường xuyên đảm bảo an toàn cho các hồ, đập khi mùa mưa lũ đến.

- Khó khăn: Nếu công tác quản lý của Nhà nước không được chặt chẽ sẽ gây khó khăn trong việc điều tiết thủy lợi phục vụ sản xuất. Mặt nước rộng, khó xử lý khi có dịch hại thủy sản xảy ra.

### 4. Kế hoạch NTTS hồ chứa giai đoạn 2026-2030

#### 4.1. Định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa:

Đưa vào quy hoạch NTTS các hồ, đập có diện tích khoảng 01 ha trở lên, thuận tiện giao thông đi lại và chủ yếu nuôi thả trực tiếp các giống cá địa phương như trôi, trắm mè, rô phi...

#### 4.2. Mục tiêu NTTS hồ chứa:

Năm 2026: diện tích NTTS hồ chứa đạt 15,8 ha, chủ yếu nuôi thả trực tiếp, sản lượng khoảng 22,12 tấn.

Đến năm 2030: diện tích NTTS hồ chứa đạt 24,4 ha, chủ yếu nuôi thả trực tiếp, sản lượng khoảng 43,92 tấn.

*Cụ thể theo các bảng biểu sau:*

**Bảng 4: Kế hoạch nuôi thả trực tiếp trên các hồ chứa đến năm 2030**

STT	Thôn	Năm 2026			Năm 2030		
		Tên Hồ chứa	Diện tích (Ha)	Sản lượng (Tấn)	Tên Hồ chứa	Diện tích (Ha)	Sản lượng (Tấn)
1	Thôn Côn Sơn	Hồ Khe Nhảy	6	8,4	Hồ Khe Nhảy	6	10.8



### 4.3. Nhiệm vụ

Phát triển nuôi thủy sản trên hồ chứa (thả nuôi trực tiếp, nuôi lồng):

- Thả cá trực tiếp vào hồ, tận dụng thức ăn tự nhiên. Chi phí đầu tư thấp, kỹ thuật đơn giản.
- Đa dạng các loại cá: Cá mè trắng, mè hoa (lọc sinh vật phù du). Cá trắm cỏ (ăn thực vật). Cá chép, cá trôi. Cá rô phi (kiểm soát tốt mật độ).
- Quy hoạch cơ cấu loài hợp lý, nuôi ghép nhiều loài theo các tầng nước. Thả giống đúng thời vụ, cỡ giống lớn để giảm hao hụt. Chủ động bổ sung giống hàng năm.
- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản: Cấm đánh bắt tận diệt, bảo vệ cá giống tự nhiên. Kết hợp quản lý cộng đồng (tổ đội quản lý hồ). Tăng sản lượng cá tự nhiên. Chi phí thấp, phù hợp hộ nghèo. Góp phần ổn định sinh thái hồ.
- Các dự án ưu tiên đầu tư: Hỗ trợ các chính sách đầu tư vào cơ sở hạ tầng, con giống, đào tạo nhân lực, vay vốn hỗ trợ lãi suất... tạo điều kiện tốt nhất để thu hút đầu tư và tạo công ăn việc làm cho người nuôi cũng như tận dụng được tối đa nguồn lực từ các hồ đập trên địa bàn xã.

### 4.4. Giải pháp:

- Giải pháp về quy hoạch: Bổ sung quy hoạch nuôi trồng thủy sản theo năm và theo giai đoạn phù hợp với tình hình thực tế địa phương.
- Giải pháp về cơ chế, chính sách: Áp dụng các chính sách của trung ương, tỉnh và vận dụng linh hoạt các nguồn đầu tư khác của xã để khuyến khích người nuôi trồng mạnh dạn và yên tâm đầu tư vào việc nhận khoán để nuôi trồng nguồn lợi thủy sản có trên địa bàn. Tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người dân, góp phần vào phát triển kinh tế và ổn định chính trị tại địa phương.
- Các giải pháp khác:
  - + Quy hoạch và quản lý vùng nuôi: Quy hoạch vùng nuôi tập trung theo đối tượng (tôm, cá tra, cá rô phi, nhuyễn thể...). Phân tách rõ khu nuôi - khu xử lý nước - khu sinh hoạt. Kiểm soát mật độ nuôi, tránh phát triển tự phát gây ô nhiễm môi trường. Áp dụng mô hình vùng nuôi an toàn sinh học.
  - + Quản lý con giống: Ứng dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm dịch. Chọn giống khỏe, đồng đều, không mang mầm bệnh. Xây dựng trại giống tại chỗ hoặc liên kết với cơ sở cung cấp uy tín.
  - + Quản lý thức ăn và dinh dưỡng: Cho ăn đúng liều lượng, đúng thời điểm, tránh dư thừa. Áp dụng công nghệ cho ăn tự động, cảm biến để giảm chi phí.
  - + Quản lý môi trường và dịch bệnh: Theo dõi thường xuyên các chỉ tiêu môi trường: pH, độ mặn, nhiệt độ, oxy hòa tan. Chủ động phòng bệnh hơn chữa bệnh. Áp dụng biện pháp nuôi an toàn sinh học, hạn chế kháng sinh. Có kế hoạch xử lý khi dịch bệnh xảy ra.

+ Quản lý hồ sơ, truy xuất nguồn gốc: Ghi chép đầy đủ nhật ký nuôi (thả giống, cho ăn, xử lý môi trường, thu hoạch). Ứng dụng phần mềm quản lý nuôi trồng thủy sản.

+ Tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết: Liên kết người nuôi - doanh nghiệp - nhà khoa học - ngân hàng - nhà nước. Ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm, giảm rủi ro về thị trường.

+ Áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ: Nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi công nghệ cao (biofloc, RAS). Tự động hóa: cho ăn, quan trắc môi trường, quản lý dữ liệu. Ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất.

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo kỹ thuật nuôi, quản lý dịch bệnh, vận hành thiết bị. Tập huấn về tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, ASC. Khuyến khích đội ngũ kỹ thuật viên tại vùng nuôi.

+ Tổ chức tiêu thụ và phát triển thị trường: Đa dạng hóa sản phẩm như tươi sống, chế biến, giá trị gia tăng. Xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản địa phương.

+ Giải pháp về nguồn vốn: Hỗ trợ vốn, tín dụng ưu đãi cho người nuôi. Đầu tư hạ tầng vùng nuôi (điện, nước, giao thông). Tăng cường quản lý nhà nước, kiểm soát chất lượng đầu vào. Khuyến khích đầu tư tư nhân vào nuôi trồng thủy sản công nghệ cao.

## **5. Đề xuất, kiến nghị**

Để phát huy hết tiềm năng lợi thế các hồ đập tại địa phương, ngoài mục đích phục vụ sản xuất nông nghiệp cần có các chủ trương đầu tư vào khai thác mặt nước của các hồ đập để phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người dân bản địa. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Sơn Tiến xin đề nghị cho chủ trương khai thác mặt nước tại các hồ, đập bằng việc được nuôi trồng thủy sản trên các hồ đập hiện có tại địa phương.

Trên đây là báo cáo hiện trạng nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa và kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Tiến. Kính đề nghị Chi cục Thủy sản xem xét, tôn hợp./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Thanh Bình**